

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN VIỆT
Số 117 Quang Trung – Vinh - Nghệ An

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/VSC_2024

Vinh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK VIỆT NAM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

Mã chứng khoán: VSC

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 03 Số 117 Quang Trung – TP Vinh – Nghệ An

Điện thoại: 0238. 3837606

Fax: 0238. 3588271

Người thực hiện công bố thông tin: ĐẶNG THÁI NGUYỄN

Địa chỉ: Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt, Số 117 Quang Trung – TP Vinh – Nghệ An

Điện thoại: 0904. 044789

Fax: 0238. 3588271

Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Công ty cổ phần Chứng khoán Việt xin công bố thông tin Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 đã được kiểm toán đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2024 tại đường dẫn <https://vietsc.vn/tin-tuc/tin-noi-bo>

Công ty chứng khoán Việt giải trình lợi nhuận sau thuế năm bán niên năm 2024 so với bán niên năm 2023 như sau:

Chỉ tiêu	Bán niên 2024	Bán niên 2023	Chênh lệch	Giải trình
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(2,395,310,077)	(2,773,528,725)	378,218,648	Doanh thu hoạt động môi giới của công ty đang còn thấp chưa bù đắp được chi phí để hoạt động



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nội dung thông tin cần công bố và các tài liệu có liên quan

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin**



ĐẶNG THÁI NGUYỄN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN NGÀY 30/06/2024



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	14 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

Tầng 3 - Số 117 - Đường Quang Trung - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Thái Thị Nga
Ông Đặng Thái Nguyên
Ông Thái Doãn Sơn

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Thái Nguyên

Tổng giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Duy Châu
Bà Hồ Thị Vinh

Trưởng Ban
Thành Viên

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Hà Nam

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Thái Nguyên – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đặng Thái Nguyên

Tổng Giám đốc

Nghe An, ngày 10 tháng 08 năm 2024

Số: 832 /2024/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

*Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 37 kèm theo, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/6/2024, Công ty đang theo dõi khoản phải thu ông Trần Văn Hưng số tiền khoảng 170,6 tỷ đồng (bao gồm gốc vay là 169,6 tỷ đồng và lãi cho vay ước tính đến 30/6/2024 là 1,06 tỷ đồng). Theo Ban quản trị Công ty, đây là số tiền Công ty thực hiện vay Ngân hàng TMCP Bắc Á để bổ sung vốn kinh doanh và thực hiện giải ngân vào Tài khoản của ông Trần Văn Hưng. Số tiền này đã được ông Hưng hoàn trả lại Công ty vào 2 ngày 8-9 tháng 7 năm 2024. Liên quan tới các giao dịch này, chúng tôi không thu thập được các văn bản phê duyệt của cấp thẩm quyền phù hợp đối với các giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Theo đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá về tính hiệu lực của các giao dịch nêu trên cũng như ảnh hưởng (nếu có) của giao dịch này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2024; Kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Thị Ngọc Thơ

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số: 5354-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		245.268.260.023	17.635.555.210
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		244.535.316.043	17.077.935.840
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	61.231.830.896	1.886.070.258
Tiền	111.1		61.231.830.896	1.886.070.258
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	6	12.000.000.000	14.000.000.000
Các khoản cho vay	114	7	110.790.976	460.840.071
Các khoản phải thu	117		170.712.329	255.254.794
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4	9	170.712.329	255.254.794
Trả trước cho người bán	118	9	18.169.865	26.890.195
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	9	95.957.686	204.146.155
Các khoản phải thu khác	122	9	170.907.854.291	244.734.367
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		732.943.980	557.619.370
Tạm ứng	131		307.512.500	432.162.500
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10	425.430.080	125.455.470
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		1.400	1.400
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.132.945.351	7.532.706.685
Tài sản cố định	220		312.943.062	534.875.938
Tài sản cố định hữu hình	221	11	264.159.385	383.314.229
- Nguyên giá	222		4.475.274.484	4.475.274.484
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(4.211.115.099)	(4.091.960.255)
Tài sản cố định vô hình	227	12	48.783.677	151.561.709
- Nguyên giá	228		2.163.867.750	2.163.867.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(2.115.084.073)	(2.012.306.041)
Tài sản dài hạn khác	250		6.820.002.289	6.997.830.747
	251		111.780.000	81.780.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn				
Chi phí trả trước dài hạn	252	10	164.880.736	130.395.959
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	13	6.543.341.553	6.785.654.788
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		252.401.205.374	25.168.261.895

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		295.719.172	267.465.616
Nợ phải trả ngắn hạn	310		295.719.172	267.465.616
Vay ngắn hạn	312	17	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		43.921.053	43.921.053
Phải trả người bán ngắn hạn	320		37.139.644	42.811.601
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		25.000.000	25.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	15	2.033.927	36.538.715
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		115.496.000	101.960.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	16	62.906.234	8.011.933
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		168.114	168.114
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		9.054.200	9.054.200
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		252.105.486.202	24.900.796.279
Vốn chủ sở hữu	410	18	252.105.486.202	24.900.796.279
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		267.466.101.544	37.866.101.544
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		267.100.000.000	37.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		267.100.000.000	37.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	411.2		366.101.544	366.101.544
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		366.101.544	366.101.544
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		366.101.544	366.101.544
Lợi nhuận chưa phân phối	417		(16.092.818.430)	(13.697.508.353)
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(16.092.818.430)	(13.697.508.353)
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	-
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		252.401.205.374	25.168.261.895

Nghệ An, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hằng

Nguyễn Hà Nam



Đặng Thái Nguyên

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI				
			Đơn vị: Số lượng chứng khoán	
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	19	106.451.625	103.476.868
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		87.039.165	80.505.682
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		6.298	6.298
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		19.366.000	-
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		-	22.767.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		40.162	197.888
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		35.787	69.243
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		35.787	69.243
			Đơn vị: VND	
Tiền gửi của khách hàng	026		7.528.407.858	15.087.975.567
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		7.514.838.634	15.087.975.567
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		13.569.224	-
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	14	7.514.838.634	15.087.975.567
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		7.513.708.799	15.086.818.465
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		1.129.835	1.157.102
Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		13.569.224	-

Nghệ An, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hằng

Nguyễn Hà Nam

Đặng Thái Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
			VND	VND
Doanh thu hoạt động				
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	20	403.969.863	611.850.762
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	20	1.139.615.546	122.013.353
Doanh thu môi giới chứng khoán	06	21	534.282.450	863.016.598
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	21	171.192.351	162.400.914
Thu nhập hoạt động khác	11	21	4.294.205	202.000
Cộng doanh thu hoạt động	20		2.253.354.415	1.759.483.627
Chi phí hoạt động				
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	22	2.716.978.839	2.760.442.548
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	22	25.192.036	145.475.974
Chi phí các dịch vụ khác	32	22	8.802.945	6.826.515
Cộng chi phí hoạt động	40		2.750.973.820	2.912.745.037
Doanh thu hoạt động tài chính				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	23	101.858.324	32.794.645
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		101.858.324	32.794.645
Chi phí tài chính				
Chi phí lãi vay	52		443.283.291	-
Cộng chi phí tài chính	60		443.283.291	-
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	24	1.481.807.375	1.606.063.295
Kết quả hoạt động	70		(2.320.851.747)	(2.726.530.060)
Thu nhập khác và chi phí khác				
Chi phí khác	72		74.458.330	46.998.665
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(74.458.330)	(46.998.665)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90		(2.395.310.077)	(2.773.528.725)
Lợi nhuận đã thực hiện	91		(2.395.310.077)	(2.773.528.725)
Chi phí thuế TNDN	100		-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	25	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán sau thuế TNDN	200		(2.395.310.077)	(2.773.528.725)
Thu nhập thuần trên cổ phiếu phổ thông	500		(2.395.310.077)	(2.773.528.725)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	26	(158)	(750)
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	502		(158)	(750)

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Nam

Nghệ An, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Tổng Giám đốc



Đặng Thái Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		(2.395.310.077)	(2.773.528.725)
Điều chỉnh cho các khoản:	02		563.357.843	324.678.585
- Khấu hao TSCĐ	03		221.932.876	357.473.230
- Chi phí lãi vay	06		443.283.291	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(101.858.324)	(32.794.645)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(168.524.145.452)	(383.593.947)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM	32		2.000.000.000	(9.424.110)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		350.049.095	136.269.029
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		84.542.465	(43.581.330)
(-) Tăng, (+) giảm các phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		108.188.469	(55.406.067)
(+) Tăng, (-) giảm các khoản phải thu khác	39		(170.412.086.359)	-
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		124.650.000	(31.658.647)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		54.894.301	(43.266.495)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(334.459.387)	(313.599.051)
(-) Lãi vay đã trả	44		(443.283.291)	-
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(5.671.957)	65.446.345
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		13.536.000	13.536.000
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(34.504.788)	(85.977.098)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		-	29.318.182
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		-	(45.250.705)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(30.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(170.356.097.686)	(2.832.444.087)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		-	(50.000.000)
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		101.858.324	32.794.645
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		101.858.324	(17.205.355)
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	71		229.600.000.000	-
Tiền vay gốc	73		169.600.000.000	-
Tiền vay khác	73.2		169.600.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(169.600.000.000)	-
Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(169.600.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		229.600.000.000	-
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		59.345.760.638	(2.849.649.442)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101		1.886.070.258	4.109.155.512
- Tiền	101.1		1.886.070.258	3.109.155.512
- Các khoản tương đương tiền	101.2		-	1.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	5	61.231.830.896	1.259.506.070
- Tiền	103.1		61.231.830.896	1.259.506.070

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		597.964.194.523	1.596.344.817.247
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(589.327.386.860)	(1.584.669.718.951)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		535.944.881.548	1.528.862.864.992
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(552.154.826.144)	(1.540.562.278.600)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		842.691.722.918	255.050.971.233
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(842.678.153.694)	(255.050.971.233)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		(7.559.567.709)	(24.315.312)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		15.087.975.567	11.797.470.540
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		15.087.975.567	11.797.470.540
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kì hạn	32		15.087.975.567	11.797.470.540
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		7.528.407.858	11.773.155.228
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		7.528.407.858	11.773.155.228
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		7.514.838.634	11.773.155.228
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		13.569.224	-

Nghệ An, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hằng

Nguyễn Hà Nam



Đặng Thái Nguyên

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	Tại 01/01/2023	Tại 01/01/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023		Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024		Tại 30/06/2023	Tại 30/06/2024
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VND	VND						
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	37.866.101.544	37.866.101.544	-	-	-	-	37.866.101.544	37.866.101.544
- Thặng dư vốn cổ phần	37.500.000.000	37.500.000.000	-	-	229.600.000.000	-	37.500.000.000	267.100.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	366.101.544	366.101.544	-	-	-	-	366.101.544	366.101.544
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	366.101.544	366.101.544	-	-	-	-	366.101.544	366.101.544
Lợi nhuận chưa phân phối	(9.103.558.338)	(13.697.508.353)	-	2.773.528.725	-	2.395.310.077	(11.877.087.063)	(16.092.818.430)
- Lợi nhuận đã thực hiện	(9.103.558.338)	(13.697.508.353)	-	2.773.528.725	-	2.395.310.077	(11.877.087.063)	(16.092.818.430)
- Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	29.494.746.294	24.900.796.279	-	2.773.528.725	229.600.000.000	2.395.310.077	26.721.217.569	252.105.486.202

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nghê An, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Nguyễn Thị Thu Hằng

Nguyễn Hà Nam

Đặng Thái Nguyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

Tầng 3 – số 117 – đường Quang Trung
Thành phố Vinh – tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900770679 ngày 23/10/2006 và thay đổi lần thứ 03 ngày 23/05/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 19/UBCK-GPHĐKD ngày 27/10/2006 và giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK ngày 10/03/2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty tại ngày 30/06/2024 là 267.100.000.000 đồng, được chia thành 26.710.000 cổ phần (mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần).

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu cụ thể như sau:

	30/06/2024 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2024 VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của cá nhân	267.100.000.000	100,00	37.500.000.000	100,00
- Thái Thị Nga	36.000.000.000	13,48	4.000.000.000	10,67
- Đặng Thái Nguyên	45.000.000.000	16,85	5.000.000.000	13,33
- Thái Doãn Sơn	36.000.000.000	13,48	4.000.000.000	10,67
- Trương Thị Kim Thư	4.000.000.000	1,50	4.000.000.000	10,67
- Hồ Thị Vinh	38.000.000.000	14,23	6.000.000.000	16,02
- Nguyễn Hà Nam	58.500.000.000	21,90	6.500.000.000	17,33
- Nguyễn Trọng Trung	28.800.000.000	10,78	3.200.000.000	8,53
- Thái Thị Lương	2.800.000.000	1,05	2.800.000.000	7,46
- Thái Doãn Lộc	18.000.000.000	6,74	2.000.000.000	5,32
Cộng	267.100.000.000	100,00	37.500.000.000	100,00

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;

Trụ sở chính: Tầng 3, số 117, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Đơn vị trực thuộc của Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt – Chi nhánh Hà Nội thành lập và hoạt động theo Quyết định số 195/QĐ-UBCK ngày 18/03/2019 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp. Địa điểm chi nhánh: P1106 Tầng 11, tòa nhà Đào Duy Anh, số 09 Đào Duy Anh, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2024 là 11 người (tại ngày 31/12/2023 là 11 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường), phù hợp với Chuẩn mực kế toán. Chế độ Kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.3 Đơn vị tiền tệ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Thực hiện kế toán Công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký sổ cái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD

Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD phản ánh các khoản tiền đặt cọc của nhà đầu tư cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán phái sinh. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

4.3 Nguyên tắc ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.3 Nguyên tắc ghi nhận tài sản tài chính (tiếp)

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như chi phí môi giới, chi phí giao dịch và phí ngân hàng) theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện là hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.3 Nguyên tắc ghi nhận tài sản tài chính (tiếp)

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.4 Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của Pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

4.5 Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, tạm ứng.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào kỳ hạn còn lại.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.6 Tài sản cố định và khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính (theo năm), cụ thể như sau:

	Năm
Máy móc thiết bị	03 – 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Phần mềm máy tính	04 - 10

4.7 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.8 Các khoản nợ phải trả**Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản vay và phát hành trái phiếu

Phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.9 Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và danh sách cổ đông nhận cổ tức tại ngày chốt quyền.

4.10 Doanh thu, thu nhập**• Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán và hoạt động lưu ký chứng khoán**

Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 Doanh thu, thu nhập (tiếp)

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán là khoản phí môi giới Công ty được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ về nghiệp vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng. Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán được xác định trên cơ sở phí môi giới mà Nhà đầu tư phải trả cho Công ty khi giao dịch chứng khoán được thực hiện theo lệnh của Nhà đầu tư và các loại phí khác thu được từ các nghiệp vụ môi giới chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán. Doanh thu này được xác định vào cuối mỗi tháng.

Doanh thu về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán là khoản phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán thu được của khách hàng khi Công ty cung cấp các dịch vụ về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán cho khách hàng. Doanh thu về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán, gồm: Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký chứng khoán cho khách hàng; Thực hiện thanh toán các giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch chứng khoán cho khách hàng; Cung cấp dịch vụ quản lý sổ cổ đông, đại lý chuyển nhượng theo yêu cầu của Tổ chức phát hành không phải là công ty đại chúng. Doanh thu này được xác định vào cuối mỗi tháng.

• **Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:**

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo cơ sở dồn tích

• **Doanh thu khác:**

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng,... Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

4.11 Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động phản ánh các khoản lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc Danh mục đầu tư tài sản tài chính, gồm: FVTPL, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay, tài sản sẵn sàng để bán và chi phí hoạt động tự doanh.

Chi phí hoạt động dung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí có liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty, bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty (tiếp)

- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
- Chi phí nghiệp vụ tư vấn chứng khoán Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;
- Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán,
- Chi phí các dịch vụ tài chính khác;
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán.
- Chi phí các dịch vụ khác.

4.12 Các khoản thuế

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.14 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty bao gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á. Tất cả giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây

4.15 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	24.108.663	24.648.962
Tiền gửi ngân hàng	61.177.803.091	1.832.032.195
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	29.919.142	29.389.101
Cộng	61.231.830.896	1.886.070.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	12.000.000.000	12.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Hàng Đậu	12.000.000.000	12.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
Cộng	12.000.000.000	12.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 53401/02506010/12M/HĐTĐ/BACABANK ngày 20/01/2021 và Phụ lục hợp đồng số 53401/02506010/PL04/HĐTĐ/BACABANK ngày 01/03/2024 tại NH TMCP Bắc Á – Chi nhánh Hàng Đậu, số tiền 6.000.000.000 đồng, lãi suất 5,1%/năm, kỳ hạn 12 tháng, số dư tại ngày 30/06/2024 là 6.000.000.000 đồng;

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 38036/2506032/12M/HĐTĐ/BACABANK ngày 03/07/2018 và Phụ lục hợp đồng số 38036/2506032/PL04 - HĐTĐ/BACABANK ngày 03/07/2023 tại NH TMCP Bắc Á – Chi nhánh Hàng Đậu, số tiền 6.000.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 7,6%/năm, số dư tại ngày 30/06/2024 là 6.000.000.000 đồng;

7. CHO VAY HOẠT ĐỘNG ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Ứng trước tiền bán cho nhà đầu tư	110.790.976	460.840.071
Cộng	110.790.976	460.840.071

8. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm CP	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
Của nhà đầu tư	22.051.148	732.986.316.770
- Cổ phiếu	17.548.148	284.420.816.770
- Trái phiếu	4.503.000	448.565.500.000
Cộng	22.051.148	732.986.316.770

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

Tầng 3 – số 117 – đường Quang Trung

Thành phố Vinh – tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024

đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	170.712.329	255.254.794
Dự thu tiền lãi - Lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định	170.712.329	255.254.794
Trả trước cho người bán	18.169.865	26.890.195
Trả trước cho người bán khác	18.169.865	26.890.195
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	95.957.686	204.146.155
Phải thu khác	170.907.854.291	244.734.367
Trần Văn Hưng (*)	170.651.473.124	-
Phải thu khác	256.381.167	244.734.367
Cộng	171.192.694.171	731.025.511

(*) Khoản phải thu ông Trần Văn Hưng số tiền khoảng 170,6 tỷ đồng (bao gồm gốc vay là 169,6 tỷ đồng và lãi cho vay ước tính đến 30/6/2024 là 1,06 tỷ đồng). Số tiền này đã được ông Hưng hoàn trả lại Công ty vào 2 ngày 8-9 tháng 7 năm 2024.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	425.430.080	125.455.470
Dịch vụ truyền số liệu	55.077.000	68.644.300
Phí dịch vụ cung cấp thông tin cho sở GDCK	219.000.002	-
Chi phí phần mềm quét tin nạp vào website	39.600.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	111.753.078	56.811.170
Chi phí trả trước dài hạn	164.880.736	130.395.959
Công cụ, dụng cụ	94.755.666	115.246.421
Chi phí trả trước dài hạn khác	70.125.070	15.149.538
Cộng	590.310.816	255.851.429

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2024	3.416.184.484	1.059.090.000	4.475.274.484
30/06/2024	3.416.184.484	1.059.090.000	4.475.274.484
HAO MÒN LUỸ KẾ			
01/01/2024	(3.129.953.491)	(962.006.764)	(4.091.960.255)
Khấu hao trong kỳ	(66.200.344)	(52.954.500)	(119.154.844)
30/06/2024	(3.196.153.835)	(1.014.961.264)	(4.211.115.099)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2024	286.230.993	97.083.236	383.314.229
30/06/2024	220.030.649	44.128.736	264.159.385

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 2.910.331.884 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 1.439.308.484 đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	2.163.867.750	2.163.867.750
30/06/2024	2.163.867.750	2.163.867.750
HAO MÒN LUỸ KẾ		
01/01/2024	(2.012.306.041)	(2.012.306.041)
Khấu hao trong kỳ	(102.778.032)	(102.778.032)
30/06/2024	(2.115.084.073)	(2.115.084.073)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	151.561.709	151.561.709
30/06/2024	48.783.677	48.783.677

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 1.299.867.750 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 1.299.867.750 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.415.876.310	5.338.993.593
Tiền lãi phân bổ hàng năm	1.007.465.243	1.326.661.195
Cộng	6.543.341.553	6.785.654.788

14. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	7.513.708.799	15.086.818.465
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.129.835	1.157.102
Cộng	7.514.838.634	15.087.975.567

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	97	97
Thuế thu nhập cá nhân	2.033.830	36.538.618
Cộng	2.033.927	36.538.715

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Phí giao dịch, cước thuê kênh, cước dịch vụ truyền số liệu	62.906.234	8.011.933
Cộng	62.906.234	8.011.933

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

Tầng 3 – số 117 – đường Quang Trung – thành phố Vinh – tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	01/01/2023		Phát sinh		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn</i>						
- Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Hàng Đậu (*)	-	-	169.600.000.000	169.600.000.000	-	-
	-	-	169.600.000.000	169.600.000.000	-	-
	-	-	169.600.000.000	169.600.000.000	-	-

(*) Vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Bắc Á – chi nhánh Hàng Đậu gồm các hợp đồng vay sau:

- (i) Hợp đồng tín dụng số 0000435388/2024/HĐTD-BAC A BANK 120 ngày 15/04/2024
 - Số tiền cho vay: 39.600.000.000 đồng
 - Thời hạn vay: 16/04/2024 đến hết ngày 26/04/2024
 - Lãi suất cho vay là 10,6%/năm
 - Tài sản đảm bảo: tín chấp

- (ii) Hợp đồng tín dụng số 0000435389/2024/HĐTD-BAC A BANK 120 ngày 15/04/2024
 - Số tiền cho vay: 130.000.000.000 đồng
 - Thời hạn vay: 16/04/2024 đến hết ngày 26/04/2024
 - Lãi suất cho vay là 10,6%/năm
 - Tài sản đảm bảo: tín chấp

Mục đích vay: thực hiện theo Nghị quyết hội đồng quản trị số 06/2024/HĐQTB-T-NQ ngày 14/04/2024 về việc vay vốn ngân hàng cho các Cổ đông để thực hiện tăng vốn theo kế hoạch của Công ty.

Số tiền vay được chuyển trực tiếp vào tài khoản cá nhân người đại diện cho cổ đông là ông Trần Văn Hưng (nhân viên công ty), số CCDC: 042081002144, số TK 120001060007222 tại Ngân hàng TMCP Bắc Á theo các khế ước nhận nợ số 01-435389 ngày 15/04/2024 và số 01-435388 ngày 15/04/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng biến động vốn Chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2023	37.500.000.000	366.101.544	366.101.544	366.101.544	(9.103.558.338)	29.494.746.294
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	(4.593.950.015)	(4.593.950.015)
31/12/2023	37.500.000.000	366.101.544	366.101.544	366.101.544	(13.697.508.353)	24.900.796.279
01/01/2024	37.500.000.000	366.101.544	366.101.544	366.101.544	(13.697.508.353)	24.900.796.279
- Tăng vốn trong kỳ	229.600.000.000	-	-	-	-	229.600.000.000
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(2.395.310.077)	(2.395.310.077)
30/06/2024	267.100.000.000	366.101.544	366.101.544	366.101.544	(16.092.818.430)	252.105.486.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:

	30/06/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.710.000	3.750.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.710.000	3.750.000
+ Cổ phiếu phổ thông	26.710.000	3.750.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.710.000	3.750.000
+ Cổ phiếu phổ thông	26.710.000	3.750.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

Lợi nhuận chưa phân phối:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Lỗ lũy kế	(16.717.456.776)	(13.697.508.353)
Cộng	(16.717.456.776)	(13.697.508.353)

19. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.950.661.650.000	1.642.056.820.000
- Cổ phiếu	750.361.650.000	712.056.820.000
- Trái phiếu	1.200.300.000.000	930.000.000.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	62.980.000	62.980.000
- Cổ phiếu	62.980.000	62.980.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.936.600.000.000	-
- Trái phiếu	1.936.600.000.000	-
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	-	2.274.900.000.000
- Cổ phiếu	-	200.000.000
- Trái phiếu	-	2.274.700.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	401.620.000	1.978.880.000
- Cổ phiếu	401.620.000	1.978.880.000
Cộng	3.887.726.250.000	3.918.998.680.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. CỎ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Từ tài sản tài chính HTM (lãi tiền gửi có kỳ hạn)	403.969.863	611.850.762
Từ các khoản cho vay và phải thu	1.139.615.546	122.013.353
Cộng	1.543.585.409	733.864.115

21. DOANH THU MÔI GIỚI, BẢO LÃNH, TƯ VẤN VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	534.282.450	863.016.598
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	171.192.351	162.400.914
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	-	-
Thu nhập hoạt động khác	4.294.205	202.000
Cộng	709.769.006	1.025.619.512

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2.716.978.839	2.760.442.548
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	25.192.036	145.475.974
Chi phí dịch vụ khác	8.802.945	6.826.515
Cộng	2.750.973.820	2.912.745.037

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	101.858.324	32.794.645
Cộng	101.858.324	32.794.645

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.059.385.473	1.119.002.908
Chi phí vật tư văn phòng	16.095.181	10.269.448
Chi phí khấu hao TSCĐ	73.667.478	66.239.691
Chi phí thuế, phí và lệ phí	13.367.305	16.358.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	223.439.078	299.226.106
Chi phí bằng tiền khác	95.852.860	94.966.292
Cộng	1.481.807.375	1.606.063.295

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.395.310.077)	(2.773.528.725)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	74.458.330	46.998.665
- Các khoản điều chỉnh tăng	74.458.330	46.998.665
Thù lao HĐQT không chuyên trách và chi phí không hợp lý khác	74.458.330	46.998.665
Tổng thu nhập chịu thuế	(2.320.851.747)	(2.726.530.060)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp trong năm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(2.395.310.077)	(2.773.528.725)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	15.205.000	3.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(158)	(750)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

Tầng 3 – số 117 – đường Quang Trung

Thành phố Vinh – tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024

đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ông Đặng Thái Nguyên là Tổng Giám đốc, Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt, đồng thời là Ủy viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á.

Trong kỳ Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với Ngân hàng TMCP Bắc Á như sau:

Giao dịch với bên liên quan

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tiền gửi Ngân hàng (gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được phân loại thành Các khoản tương đương tiền và tiền gửi kỳ hạn trên 03 tháng được phân loại là Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM))		
- Phát sinh tăng	406.746.495.057	246.051.264.344
- Phát sinh giảm	353.948.774.758	250.696.359.072
Thanh toán giá trị trái phiếu thông qua Công ty	448.565.500.000	1.302.798.723.671
Chi phí	42.422.400	42.422.400
- Chi phí thuê văn phòng	42.422.400	42.422.400
Doanh thu	486.527.439	908.257.001
- Doanh thu môi giới trái phiếu	74.856.550	260.292.336
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	3.406.821	35.911.903
- Doanh thu phí chuyển tiền	4.294.205	202.000
- lãi từ các hoạt động nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	403.969.863	611.850.762
Vay nợ và thuê tài chính	169.600.000.000	-
Lãi vay vay nợ và thuê tài chính	443.283.291	-

Số dư với bên liên quan

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền gửi Ngân hàng (gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được phân loại thành Các khoản tương đương tiền và tiền gửi kỳ hạn trên 03 tháng được phân loại là Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM))	76.021.626.708	23.223.906.409
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	175.514.042	255.254.794

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

Tầng 3 – số 117 – đường Quang Trung

Thành phố Vinh – tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024

đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DỮ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc**

STT	Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
			VND	VND
1	Bà Thái Thị Nga	Chủ tịch HĐQT	18.000.000	18.000.000,00
2	Ông Đặng Thái Nguyên	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty	526.000.000	550.000.000
3	Ông Thái Doãn Sơn	Thành viên HĐQT	-	-
4	Ông Nguyễn Duy Châu	Trưởng ban kiểm soát	-	-
5	Bà Hồ Thị Vinh	Thành viên ban kiểm soát	-	-
6	Ông Nguyễn Hà Nam	Kế toán trưởng	188.220.000	185.272.727
	Cộng		732.220.000	753.272.727

28. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30. MỤC ĐÍCH VÀ CÁC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

30.1 RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. MỤC ĐÍCH VÀ CÁC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)**30.1 RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)**

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023. Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

30.2 RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. MỤC ĐÍCH VÀ CÁC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)

30.2 RỦI RO TÍN DỤNG (TIẾP)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.1 và số V.2. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản đảm bảo, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có thanh khoản tốt.

	Tổng cộng	Số dư đã lập dự phòng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm		
	VND	VND	VND	<80 ngày	81-80 ngày	>180 ngày
Số đầu năm	17.077.935.840	-	17.077.935.840	-	-	-
Số cuối kỳ	244.357.069.120	-	244.357.069.120	-	-	-

30.3 RỦI RO THANH TOÁN

Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc điều khoản phát hành. Đối với các tài sản chính ghi nhận thông qua lãi lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. MỤC ĐÍCH VÀ CÁC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)

30.3 RỦI RO THANH TOÁN (TIẾP)

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024					
Tài sản tài chính	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 01 năm VND	Từ 01-05 năm VND	Trên 5 năm VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	61.231.830.896	-	-	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	12.000.000.000	-	-
Các khoản cho vay (không bao gồm dự phòng)	-	-	110.790.976	-	-
Các khoản phải thu (không bao gồm dự phòng)	-	171.021.981.842	-	-	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	-	111.780.000	-
Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	-	-	-	6.543.341.553	-
Tổng cộng	-	232.253.812.738	12.110.790.976	6.655.121.553	251.019.725.267
Nợ phải trả					
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	43.921.053	-	-	-
Phải trả người bán	-	37.139.644	-	-	-
Chi phí phải trả	-	62.906.234	-	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	2.033.927	-	-	-
Phải trả, phải nộp khác	-	149.718.314	-	-	-
Tổng cộng	-	295.719.172	-	-	295.719.172
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	-	232.549.531.910	12.110.790.976	6.655.121.553	251.315.444.439

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

Tầng 3 – số 117 – đường Quang Trung

Thành phố Vinh – tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024

đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập báo cáo bộ phận bởi vì Công ty không có các lĩnh vực kinh doanh mà lĩnh vực này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các lĩnh vực kinh doanh khác.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 của Công ty đã được soát xét.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Nam

Nghệ An, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Tổng Giám đốc



Đặng Thái Nguyên